

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 233/2020/DSPT

Ngày: 29 - 12 - 2020.

V/v Tranh chấp hợp đồng
thuê khoán mặt nước

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên toà: Ông Trần Duy Tuấn.

Các thẩm phán: Ông Doãn Đình Quyến, bà Lưu Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên toà: Ông Đỗ Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Xuân Linh Byă - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 249/2020/TLPT-DS ngày 04/11/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng thuê khoán mặt nước*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 19/2020/DS-ST ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn bị nguyên đơn Công ty TNHH A và bị đơn ông Quách Đình D kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 255/2020/QĐ-PT ngày 27/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH A;

- Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị H - Chức vụ: Giám đốc công ty. Vắng mặt.

Địa chỉ: Km 15, Quốc lộ 14, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Mai H - Sinh năm 1959 (Giấy ủy quyền số: 06/2019/GUQ ngày 18/9/2019). Có mặt.

Địa chỉ: Số 11 L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Quách Đình D - Sinh năm 1973. Có mặt.

Địa chỉ: Xã Y, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Tạm trú tại: Buôn E, xã K, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Võ Hữu D - Sinh năm 1968 (Giấy ủy quyền ngày 04/02/2020). Có mặt.

Địa chỉ: Số 110 N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Đặng T - Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH MTV Đ ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý với Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đỗ Kim H - Sinh năm 1963. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 11 hẻm 99E N, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bà Nguyễn Thị H1, ông Phạm Văn H2 - sinh năm 1985. Đều có mặt.

Địa chỉ: Buôn E, xã K, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

- Công ty TNHH MTV Quản lý công trình thủy lợi Đ. Vắng mặt.

Địa chỉ: 109 Mai Hắc Đế, phường H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

4. Người làm chứng: Ông Trần Thanh C - Sinh năm 1974. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn D, xã W, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

5. Người kháng cáo: Nguyên đơn Công ty TNHH A và bị đơn ông Quách Đình D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn A và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Mai H trình bày:**

Công ty Trách nhiệm hữu hạn A được thành lập vào ngày 06/4/2005, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực mua bán nông lâm sản và kinh doanh hoạt động du lịch.

Ngày 11/5/2016, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ đã ra Quyết định số 1304/QĐ-UBND v/v thu hồi 1.177,7 ha đất của Công ty TNHH MTV C tại xã K, huyện B; giao cho Công ty TNHH A thuê 1.177,7 ha đất và 802 ha rừng để thực hiện dự án đầu tư Khu du lịch Văn hóa - Sinh thái B. Công ty A đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các thửa đất trong khu du lịch nói trên.

Trong khu du lịch sinh thái có hồ nước M diện tích khoảng 180 héc ta thuộc phạm vi quản lý của Công ty TNHH MTV Quản lý công trình thủy lợi Đ. Để phục vụ cho mục đích du lịch và nuôi trồng thủy sản, ngày 02/5/2019 Công ty A đã làm Tờ trình số 02/2019-AD gửi UBND tỉnh Đ xin được thuê toàn bộ mặt nước hồ M để phục vụ mục đích du lịch và nuôi trồng thủy sản. Ngày 01/7/2019, Chủ tịch UBND tỉnh Đ đã cấp Giấy phép số 20/GP-UBND, cho phép Công ty tiến hành hoạt động kinh doanh du lịch. Tuy nhiên với mục đích nuôi trồng thủy sản thì UBND tỉnh Đ yêu cầu Công ty phải tiến hành bổ sung thêm các giấy tờ, hồ sơ xin cấp phép.

Cùng ngày 01/7/2019, sau khi nhận được giấy phép của UBND tỉnh chấp thuận cho thuê mặt hồ, Chi nhánh Công ty A- Khu du lịch Sinh thái B có ký hợp đồng cho thuê mặt nước số 01/HĐ-BĐ - AD với ông Quách Đình D, nội dung cho ông Quách Đình D thuê mặt hồ trong thời hạn 05 năm để nuôi cá, giá thuê 60.000.000đồng/1năm, chi nhánh đã nhận của ông D số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Ngày 10/7/2019, dựa trên chủ trương đã được UBND tỉnh Đắk Lắk chấp thuận, Công ty A đã ký Hợp đồng thuê mặt nước hồ M, huyện B phục vụ kinh doanh du lịch với Công ty TNHH MTV Quản lý công trình thủy lợi Đ, theo đó Công ty Quản lý công trình thủy lợi cho Công ty A thuê mặt nước hồ M với mục đích phục vụ du lịch, thời hạn hợp đồng là từ ngày 01/8/2019 đến ngày 30/6/2024.

Do hồ sơ xin cấp phép nuôi trồng thủy sản phức tạp hơn dự kiến ban đầu nên đến hiện tại Công ty vẫn chưa hoàn tất được thủ tục, chưa được UBND tỉnh Đắk Lắk cấp phép cho nuôi trồng thủy sản trong hồ. Do đó, Công ty đã nhiều lần liên hệ, mời ông D đến để thanh lý hợp đồng nhưng không được trả lời. Vào ngày

6/9/2019, Công ty đã có Thông báo số 14/2019-BĐ-AD hủy hợp đồng cho thuê mặt nước số 01/HĐ-BĐ-AD gửi đến ông D nhưng cũng không được hồi đáp.

Nhằm khắc phục những thiếu sót trong quá trình làm việc, cụ thể là việc ký kết hợp đồng thuê mặt nước hồ M với ông Quách Đình D, nay Công ty yêu cầu Tòa án: Tuyên bố hợp đồng số 01/HĐ-BĐ-AD giữa Chi nhánh Công ty TNHH A-Khu du lịch Sinh thái B và ông Quách Đình D là vô hiệu.

Công ty TNHH A- Khu du lịch Sinh thái B sẽ trả lại cho ông Quách Đình D số tiền 30.000.000đồng mà ông Quách Đình D đã thanh toán theo hợp đồng thuê mặt nước số 01/HĐ-BĐ-AD ngày 01/7/2019.

Ngày 25/6/2020 ông Quách Đình D làm đơn phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH A phải bồi thường tiền mua cá giống, thuyền ghe, lưới ngư cụ tổng cộng là 240.000.000đồng. Ông Nguyễn Mai H cho rằng trong hợp đồng không có điều khoản nào quy định bồi thường thiệt hại nên Công ty không đồng ý, nếu ông D chứng minh hợp đồng vô hiệu, dẫn đến thiệt hại, thì công ty sẽ căn cứ vào thiệt hại thực tế để bồi thường theo quy định của pháp luật.

Đối với số tiền 50.000.000đồng ông D yêu cầu Công ty hỗ trợ di dời căn nhà, gia súc, gia cầm, thuyền ghe, lưới ngư cụ và các vật dụng khác, tại phiên tòa hôm nay ông D đã rút phần yêu cầu này nên không đề cập.

*** Bị đơn ông Quách Đình D và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, ông Võ Hữu D trình bày:**

Năm 2014, ông D đã ký kết hợp đồng thuê khoán mặt nước với Công ty TNHH MTV Quản lý công trình thủy lợi Đ để nuôi cá và đánh bắt cá. Tuy nhiên, sau khi hết hợp đồng thì Công ty TNHH MTV Quản lý công trình thủy lợi Đ yêu cầu ông phải có giấy phép hoạt động mới ký tiếp hợp đồng. Do không được cơ quan có thẩm quyền cấp phép nên ông mới ký hợp đồng với Công ty TNHH A.

Ngày 01/7/2019, Công ty TNHH A ký hợp đồng cho ông thuê toàn bộ mặt nước hồ M, thời hạn của hợp đồng là 05 năm, bắt đầu từ ngày 01/7/2019 đến hết ngày 30/6/2024; với giá thuê là 60.000.000đồng/1năm, ông đã thanh toán trước cho Công ty TNHH A số tiền 30.000.000đồng.

Sau khi ký hợp đồng ông đã mua các vật dụng phục vụ việc nuôi, đánh bắt cá và cá giống cụ thể: Thuyền to có gắn máy nổ giá trị 50.000.000đồng, thuyền nhỏ có gắn máy nổ giá trị 9.000.000đồng; lưới chắn tràn 20.000.000đồng; lưới bóng để đánh bắt cá 28.000.000đồng; đù chắn cá ngược là 11.000.000đồng; đù nhỏ 3.000.000 đồng, và tiền thả cá giống các loại khoảng 119.000.000đồng. Tổng cộng là 240.000.000 đồng. Tuy nhiên ông cho rằng việc mua bán giữa cá nhân với nhau nên không có hóa đơn chứng từ và xuất xứ hàng hóa, không cung cấp được cho Tòa án. Nay Công ty A yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu thì phải bồi thường thiệt hại cho gia đình ông.

Ngày 25/6/2020 ông Quách Đình D làm đơn yêu cầu phản tố Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH A hoàn trả lại cho ông số tiền đã nộp 30.000.000đồng; bồi thường tiền mua cá giống, thuyền ghe, lưới ngư cụ tổng cộng là 240.000.000đồng và 50.000.000đồng tiền hỗ trợ di dời căn nhà, gia súc, gia cầm, thuyền ghe, lưới ngư cụ và các vật dụng khác.

Nay đề nghị Tòa án giải quyết theo đơn phản tố của ông D, buộc Công ty TNHH A phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật gồm: Tiền cá giống,

thuyền ghe, lưới ngư cụ tổng cộng là 240.000.000đồng.

Riêng đối với số tiền 50.000.000đồng yêu cầu Công ty A hỗ trợ di dời căn nhà, gia súc, gia cầm, thuyền ghe, lưới ngư cụ và các vật dụng khác, thì ông Quách Đình D và người đại diện theo ủy quyền ông Võ Hữu D xin rút phần yêu cầu này.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Đặng T trình bày:

Căn cứ giấy phép số 20/GP –UBND ngày 01/07/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk chỉ cho phép Công ty TNHH A được tiến hành hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi hồ M là phục vụ khách du lịch, các dịch vụ trên mặt nước, còn nuôi trồng thủy sản thì không.

Ngày 10/07/2019, Công ty TNHH MTV Quản lý công trình thủy lợi Đ mới ký hợp đồng với Công ty TNHH A cho thuê mặt nước hồ M, tại xã K, huyện B sử dụng vào mục đích phục vụ du lịch như chèo thuyền độc mộc, thuyền đạp nước, thiên nga đạp nước.

Ngày 01/7/2019, Công ty TNHH A ký hợp đồng cho ông Quách Đình D thuê toàn bộ mặt nước hồ M, thời hạn của hợp đồng là 05 năm, bắt đầu từ ngày 01/7/2019 đến hết ngày 30/6/2024; giá thuê là 60.000.000đồng/1năm, ông D đã thanh toán cho Công ty TNHH A số tiền 30.000.000đồng.

Như vậy lỗi dẫn đến hợp đồng vô hiệu hoàn toàn thuộc về Công ty A nên Công ty phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông D theo quy định của pháp luật.

Sau khi ký hợp đồng thuê mặt nước hồ M để nuôi cá thì ông D đã mua cá giống và các vật dụng phục vụ việc nuôi, đánh bắt cá cụ thể: Cá giống các loại khoảng 119.000.000đồng; thuyền to có gắn máy nổ giá trị 50.000.000đồng, thuyền nhỏ có gắn máy nổ giá trị 9.000.000đồng; lưới chắn tràn 20.000.000đồng; lưới bóng để đánh bắt cá 28.000.000đồng; đù chắn cá ngược là 11.000.000đồng; đù nhỏ 3.000.000 đồng. Tổng cộng là 240.000.000 đồng, nay Công ty A yêu cầu hủy hợp đồng, thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết buộc Công ty A phải bồi thường thiệt hại cho ông Quách Đình D theo quy định pháp luật.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

- ***Ông Đỗ Kim H trình bày:*** Ngày 01/07/2019 Chi nhánh Công ty TNHH A - Khu du lịch sinh thái B có ký hợp đồng cho thuê mặt nước số 01/HĐ-BĐ-AD với ông Quách Đình D tạm trú tại Buôn E, xã K, huyện B với thời hạn thuê 05 năm để nuôi cá, giá thuê 60.000.000đồng/1năm; ngày 23/8/2019 ông D đã nộp cho Công ty số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Người ký hợp đồng là ông với tư cách Phó giám đốc Chi nhánh Công ty A- Khu du lịch sinh thái B và trực tiếp thu tiền của ông D vào ngày 23/8/2019 số tiền 30.000.000đồng và đã nộp vào quỹ của Công ty. Nay phía Công ty A yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên hợp đồng trên vô hiệu và xin trả lại số tiền 30.000.000 đồng ông Quách Đình D đã nộp cho Công ty.

Ông D làm đơn phản tố yêu cầu Công ty A bồi thường tiền mua cá giống, thuyền ghe, lưới ngư cụ tổng cộng là 240.000.000đồng, ông H không đồng ý. Đối với số tiền 50.000.000đồng ông D yêu cầu Công ty hỗ trợ di dời căn nhà, gia súc, gia cầm, thuyền ghe, lưới ngư cụ và các vật dụng khác, nay ông D đã rút yêu cầu nên ông không có ý kiến gì thêm.

- ***Ông Phạm Văn H2 trình bày:***

Tôi là người hợp tác cùng làm với ông Quách Đình D thông qua biên bản phụ lục hợp đồng ngày 05/7/2019 về việc cùng hợp tác thuê mặt nước hồ M của

Công ty A. Tôi đã góp cho ông D số tiền là 15.000.000 đồng để trả cho Công ty A, ngoài ra tôi có ký kết hợp đồng làm lồng nuôi cá với ông Nguyễn Xuân P. Địa chỉ: Buôn E, xã K, huyện B vào ngày 06/7/2019 và tôi đã đặt cọc 50.000.000 đồng, tuy nhiên do có sự tranh chấp với công ty nên chúng tôi đã tạm dừng việc làm lồng. Tôi có góp cho ông D số tiền 25.000.000 đồng mua thuyền, 60.000.000 đồng mua cá giống, 10.000.000 đồng mua lưới chắn tràn.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH A thì tôi có ý kiến như sau: Đề nghị Công ty A và ông D thỏa thuận với nhau, trường hợp không thỏa thuận được đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Đối với số tiền tôi góp chung với ông Quách Đình D thì tôi và ông D tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết, trường hợp chúng tôi không tự thỏa thuận được thì tôi sẽ khởi kiện bằng một vụ án dân sự độc lập.

- Công ty TNHH MTV Quản lý công trình thủy lợi Đ trình bày:

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quản lý công trình thủy lợi Đ cho biết công trình thủy lợi hồ M là do Công ty TNHH MTV Quản lý công trình thủy lợi Đ quản lý, mọi hoạt động trong công trình thủy lợi hồ M đều phải có giấy phép do cấp có thẩm quyền cấp. Ông Quách Đình D là người hoạt động trong lĩnh vực nuôi trồng đánh bắt thủy sản từ năm 2014 đến nay vẫn chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp phép. Ông Quách Đình D cũng không đủ điều kiện về nuôi trồng đánh bắt thủy sản. Vì vậy, Công ty TNHH A ký hợp đồng cho thuê mặt nước số 01/HĐ-BĐ-AD với ông Quách Đình D, tạm trú tại Buôn E, xã K, huyện B là vô hiệu, quy định tại Điều 117 và Điều 122 Bộ luật dân sự 2015.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2020/DS-ST ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn đã quyết định:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 200 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các điều 117, 122, 123, 126, 131, 407, 408 Bộ luật dân sự;

Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH A.

Tuyên bố hợp đồng cho thuê mặt nước số 01/HĐ-BĐ-AD ngày 01/07/2019 giữa Công ty TNHH A- Chi nhánh Khu du lịch Sinh thái B với ông Quách Đình D là vô hiệu.

Buộc Công ty TNHH A phải trả lại cho ông Quách Đình D số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng);

Buộc ông Quách Đình D có trách nhiệm trả lại mặt nước hồ M cho Công ty A.

- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Quách Đình D ngày 25/6/2020.

Buộc Công ty TNHH A có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho ông Quách Đình D tiền mua cá giống 59.500.000 đồng (Năm mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng); Lưới chắn tràn và đứ chắn cá ngược 34.000.000 đồng (Ba mươi bốn triệu đồng).

Đình chỉ đối với số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) mà ông Quách Đình D đã rút.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét thẩm định, về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Sau khi xét xử sơ thẩm xong:

+ Ngày 02/10/2020, nguyên đơn Công ty TNHH A có làm đơn kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm, với nội dung Công ty cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty phải bồi thường thiệt hại cho ông D mua ngư cụ trị giá 34.000.000đồng và tiền cá giống 59.5000.000đồng là không có cơ sở, không phù hợp với quy định pháp luật; bởi vì, ông D làm nghề nuôi cá và đánh cá cho nên ông D phải có những dụng cụ ngư cụ để hành nghề chứ không phải vì ký hợp đồng với Công ty ông mới mua sắm và đối với giá trị cá giống không có thiệt hại trên thực tế. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông Quách Đình D.

+ Ngày 07/10/2020, bị đơn ông Quách Đình D có làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, với nội dung ông D cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định lỗi thuộc về Công ty TNHH A nhưng xét về phần bồi thường cho gia đình ông thì chưa thỏa đáng, cụ thể chưa xem xét khi thẩm định những vật dụng mà gia đình ông đã đầu tư để nuôi trồng và đánh bắt cá sau khi ký hợp đồng thuê mặt nước với Công ty TNHH A.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn Công ty TNHH A vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và đơn kháng cáo, bị đơn ông Quách Đình D vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đánh giá các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH A và không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Quách Đình D; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2020/DS-ST, ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Việc Tòa án cấp sơ thẩm tiếp nhận đơn yêu cầu bồi thường của ông Quách Đình D ghi ngày 25/6/2020, xác định là đơn phản tố và tiến hành thụ lý việc yêu cầu phản tố là không đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự. Bởi vì, nguyên đơn Công ty TNHH A khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng và bị đơn (ông D) yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty TNHH A bồi thường thiệt hại là giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, do đó Tòa án giải

quyết hủy hợp đồng thì đồng thời giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu mới đúng quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Về đơn kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn làm trong hạn luật định đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH A và bị đơn ông Quách Đình D, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Các bên đương sự đều thừa nhận ngày 01/07/2019 Chi nhánh Công ty TNHH A - Khu du lịch sinh thái B ký hợp đồng cho thuê mặt nước số 01/HĐ-BĐ-AD với ông Quách Đình D tạm trú tại Buôn E, xã K, huyện B với thời hạn thuê là 05 năm để nuôi cá, giá thuê 60.000.000đồng/1năm, ngày 23/8/2019 ông D đã nộp cho Công ty số tiền 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng).

Nguyên đơn Công ty TNHH A cho rằng: Ngày 01/7/2019, Chủ tịch UBND tỉnh Đ đã cấp Giấy phép số 20/GP-UBND, cho phép Công ty tiến hành hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch. Tuy nhiên với mục đích nuôi trồng thủy sản thì không được cấp phép. Vì vậy, Công ty TNHH A yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố hợp đồng cho thuê mặt nước số 01/HĐ-BĐ-AD ngày 01/07/2019 với ông Quách Đình D vô hiệu và giải quyết trả lại số tiền 30.000.000đồng cho ông Quách Đình D.

Bị đơn ông Quách Đình D cho rằng: Ông đồng ý tuyên bố hợp đồng thuê mặt nước vô hiệu nhưng Công ty TNHH A phải bồi thường cho gia đình ông sau khi ký hợp đồng thuê mặt nước đã mua cá giống và các vật dụng phục vụ việc nuôi, đánh bắt cá cụ thể: Cá giống các loại khoảng 119.000.000đồng; thuyền to có gắn máy nổ giá trị 50.000.000đồng, thuyền nhỏ có gắn máy nổ giá trị 9.000.000đồng; lưới chắn tràn 20.000.000đồng; lưới bóng để đánh bắt cá 28.000.000đồng; đù chắn cá ngược là 11.000.000đồng; đù nhỏ 3.000.000 đồng. Tổng cộng là 240.000.000 đồng. Đối với đối với số tiền 50.000.000đồng mà ông yêu cầu Công ty TNHH A hỗ trợ di dời căn nhà, gia súc, gia cầm, thuyền ghe, lưới ngư cụ và các vật dụng khác, thì ông xin rút phần yêu cầu này.

[2.2] Xét kháng cáo của Công ty TNHH A, với nội dung cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty TNHH A phải bồi thường thiệt hại cho ông D mua ngư cụ trị giá 34.000.000đồng và tiền cá giống 59.5000.000đồng là không có cơ sở, không phù hợp với quy định pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Giấy phép số 20/GP –UBND ngày 01/07/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk chỉ cho phép Công ty TNHH A được tiến hành hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi hồ M là phục vụ khách du lịch, các dịch vụ trên mặt nước, còn nuôi trồng thủy sản thì không và tại Hợp đồng được ký kết số: 731/HĐ-CTTL ngày 10/07/2019, Công ty TNHH MTV Quản lý công trình thủy lợi Đ chỉ cho Công ty TNHH A thuê mặt nước hồ M, tại xã K, huyện B sử dụng vào mục đích phục vụ du lịch như chèo thuyền độc mộc, thuyền đạp nước, thiên nga đạp nước. Do đó, việc Công ty TNHH A biết không được cho thuê mặt nước để nuôi trồng thủy sản nhưng vào ngày 01/7/2019 Công ty TNHH A vẫn ký hợp đồng cho thuê mặt nước số 01/HĐ-BĐ-AD với ông Quách Đình D được nuôi trồng thủy sản là vượt quá phạm vi, thẩm quyền cho phép theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của Công ty TNHH A, tuyên bố hợp đồng cho thuê mặt nước số 01/HĐ-BĐ-AD ngày 01/07/2019 giữa Công ty TNHH A - Chi

nhánh Khu du lịch Sinh thái B với ông Quách Đình D là vô hiệu và xác định lỗi thuộc về Công ty TNHH A để buộc Công ty TNHH A có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho ông D là có cơ sở.

Tuy nhiên, đối với yêu cầu của bị đơn (ông D) về bồi thường tiền mua cá giống với số tiền 119.000.000đồng mà Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận một nửa ($\frac{1}{2}$) số tiền, buộc Công ty TNHH A phải bồi thường cho ông Quách Đình D một nửa ($\frac{1}{2}$) số tiền trên là không có cơ sở. Bởi lẽ, các căn cứ và chứng từ do bị đơn cung cấp để yêu cầu được bồi thường là không đủ cơ sở, không hợp lệ nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu bồi thường của ông D. Đối với yêu cầu bồi thường Lưới chắn tràn; Đú lớn chắn cá ngược; Đú nhỏ chắn cá ngược với số tiền là 34.000.000đồng (Ba mươi tư triệu đồng) mà Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ là không đảm bảo quyền lợi cho Công ty TNHH A và không đúng pháp luật. Vì số lưới này ông D mua về thả xuống hồ để dùng chắn cá tràn ra ngoài trước khi thả cá và từ khi ký hợp đồng thuê mặt nước đến khi Công ty TNHH A thông báo hủy hợp đồng thuê thời gian mới hơn 2 tháng cũng chỉ làm ảnh hưởng một phần thiệt hại cho ông D nên cần buộc Công ty TNHH A phải có nghĩa vụ bồi thường một nửa ($\frac{1}{2}$) giá trị = 17.000.000đồng là phù hợp.

Vì vậy, cần chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty TNHH A, sửa một phần án sơ thẩm về bồi thường thiệt hại là phù hợp.

[2.3] Xét kháng cáo của ông Quách Đình D, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc ông D kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm mà ông cho rằng bản án sơ thẩm đã tuyên là chưa thỏa đáng, cụ thể chưa xem xét khi thẩm định những vật dụng mà gia đình ông đã đầu tư để nuôi trồng và đánh bắt cá sau khi ký hợp đồng thuê mặt nước với Công ty TNHH A là không có căn cứ. Bởi lẽ, ông D đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH A tuyên hợp đồng cho thuê mặt nước số 01/HĐ-BĐ-AD ngày 01/07/2019 giữa Công ty TNHH A - Chi nhánh Khu du lịch Sinh thái B với ông Quách Đình D là vô hiệu; về xác định lỗi và trách nhiệm bồi thường, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đầy đủ các tài liệu chứng cứ và đã tiến hành thẩm định theo đúng quy định pháp luật, xác định cụ thể giá trị tài sản được chấp nhận bồi thường, không được chấp nhận bồi thường theo đơn yêu cầu bồi thường của ông D, cụ thể:

- Đối với yêu cầu bồi thường thuyền to có gắn máy nổ giá trị khi mua 50.000.000đồng, thuyền nhỏ có gắn máy nổ giá trị khi mua 9.000.000đồng thì ông D đã mua sắm và có trước ngày 01/7/2019 (ngày ký hợp đồng thuê mặt nước với Công ty TNHH A) cho nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của ông Quách Đình D.

- Đối với yêu cầu bồi thường dụng cụ đánh bắt cá Lưới bóng để đánh bắt cá với số tiền 28.000.000đồng là không có cơ sở chấp nhận, vì ông D mới ký hợp đồng thuê mặt nước ngày 01/7/2019 và sau mới thả cá để nuôi cho nên chưa có nhu cầu Lưới bóng để đánh bắt cá mà ông tự mua để sử dụng cho nhu cầu nghề đánh bắt cá của ông.

- Đối với yêu cầu bồi thường Lưới chắn tràn; Đú lớn; Đú nhỏ để chắn cá ngược và yêu cầu bồi thường cá giống đã được Hội đồng xét xử phân tích (ở mục [2.2]) nêu trên.

[2.4] Từ những phân tích, nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận một phần đơn kháng cáo của Công ty TNHH A và không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Quách Đình D, sửa bản án dân sự sơ thẩm là phù hợp.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Do sửa án sơ thẩm nên tính lại án phí dân sự sơ thẩm Công ty TNHH A phải chịu 2.350.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0009866 ngày 17/09/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Đắk Lắk, nên Công ty TNHH A còn phải nộp 2.050.000đồng (Hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Quách Đình D được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, nên hoàn trả lại cho ông D 8.300.000đồng (Tám triệu ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai thu số 0009910 ngày 04/12/2019 và biên lai thu số 0000698 ngày 06/7/2020.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do được chấp nhận kháng cáo nên nguyên đơn Công ty TNHH A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Do không được chấp nhận đơn kháng cáo nên bị đơn ông Quách Đình D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH A;
Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Quách Đình D;
Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2020/DS-ST, ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;
Các điều 117, 122, 123, 126, 131, 407, 408 Bộ luật dân sự;
Điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, khoản 5 Điều 26, khoản 1 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH A.

Tuyên bố hợp đồng cho thuê mặt nước số 01/HĐ-BĐ-AD ngày 01/07/2019 giữa Công ty TNHH A - Chi nhánh Khu du lịch Sinh thái B với ông Quách Đình D là vô hiệu.

Buộc Công ty TNHH A phải trả lại cho ông Quách Đình D số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng);

Buộc ông Quách Đình D có trách nhiệm trả lại mặt nước hồ M cho Công ty TNHH A.

Buộc Công ty TNHH A có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho ông Quách Đình D Lưới chắn tràn và đù chắn cá ngược số tiền 17.000.000đồng (Mười bảy triệu đồng).

Đình chỉ yêu cầu bồi thường đối với số tiền 50.000.000đồng (Năm mươi

triệu đồng) do ông Quách Đình D đã rút yêu cầu.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản: Công ty TNHH A có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Quách Đình D số tiền 750.000đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[4]: Về án phí dân sự:

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty TNHH A phải chịu 2.350.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0009866 ngày 17/09/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Đắk Lắk, nên Công ty TNHH A còn phải nộp 2.050.000đồng (Hai triệu không trăm lăm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Quách Đình D được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, nên hoàn trả lại cho ông D 8.300.000đồng (Tám triệu ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo Biên lai thu số 0009910 ngày 04/12/2019 và Biên lai thu số 0000698 ngày 06/7/2020.

[4.2] Án phí dân sự phúc thẩm:

- Công ty TNHH A không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm, khấu trừ số tiền 300.000đồng của Công ty TNHH A đã nộp tiền tạm ứng (do ông Đỗ Kim Q nộp thay) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0000744 ngày 07/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Đắk Lắk để trừ vào khoản tiền án phí dân sự sơ thẩm 2.050.000đồng, Công ty TNHH A còn phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.750.000đồng.

- Ông Quách Đình D phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, khấu trừ số tiền 300.000đồng ông Quách Đình D đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0000742 ngày 07/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Buôn Đôn;
- Chi cục THADS H. B;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Duy Tuấn